

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 60/2018/HNGĐ - ST

Ngày 31-7-2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Ngoan

Bà Lê Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 32/25, khóm Trung An, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 36/10A, khóm Trung An, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – vắng mặt (Anh B có đơn xét xử vắng mặt ngày 09/7/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B do quen biết, tìm hiểu nhau trước đã tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh B không quan tâm đến gia đình vợ con nên mâu thuẫn kéo dài, cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị H yêu cầu ly hôn với anh B.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 28/11/2013, hiện cháu A đang sống với chị H nuôi dưỡng. Sau khi có Quyết định không công nhận vợ chồng thì chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thái B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 29/5/2018 và biên bản hòa giải ngày 09/7/2018 anh B trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của chị H về thời gian sống chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng như việc chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật như chị H trình bày. Nay qua yêu cầu của chị H thì anh đồng ý ly hôn, vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 28/11/2013. Hiện do chị H nuôi dưỡng, sau khi có Quyết định không công nhận vợ chồng thì anh đồng ý để chị H được nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ yêu cầu xin không công nhận vợ chồng với anh B. Về con chung chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Thái B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/7/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị H với anh B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Cả hai vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên nên chị H khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Thái B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do đi làm không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được. Đề nghị này của anh B phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị H và anh B đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay nhưng anh chị vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn trong hôn nhân nhân mà căn cứ vào các Điều 8, Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị H với anh B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung chưa trưởng thành tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 28/11/2013. Hiện cháu A do chị H nuôi dưỡng nên chị H xin được tiếp tục nuôi con và trong quá trình giải quyết vụ án anh B cũng đồng ý để chị H được nuôi con. Việc thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị H, cùng các thành viên gia đình chị H không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh B được quyền kháng cáo trong theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 14; Điều 15; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

*** Tuyên Xử :**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Thái B.

[2] Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thái A, sinh ngày 28/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và các thành viên gia đình chị H không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0008300 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Thái B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Quý;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền